

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1232/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 893/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Trung H, sinh năm 1966

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H, bà N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Trần Trung H trình bày: Ông và bà N bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1996 tại địa chỉ đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đăng ký kết hôn do cả hai không để ý đến thủ tục hành chính. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hai bên chung sống bình thường. Đến năm 2011 ông H, bà N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng với nhau

về những vấn đề trong cuộc sống như quan điểm sống, các mối quan hệ, cách nuôi dạy con, từ năm 2012 đến nay cả hai đã ly thân. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 con tên là Trần Huỳnh Phương T1, sinh ngày 13/6/1997 – đã thành niên và Trần Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 22/8/2000. Ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H1, ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Hồng N trình bày: Bà xác nhận thời gian chung sống đúng như ông H đã trình bày, bà và ông H không đăng ký kết hôn do không đề ý đến thủ tục hành chính. Theo bà, từ năm 2011 hai bên mâu thuẫn với nhau do cả hai không hợp nhau về tính cách, lối sống, từ năm 2012 đến nay cả hai đã ly thân, thời gian kéo dài nhưng hai bên không giải quyết được mâu thuẫn. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà, bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con tên là Trần Huỳnh Phương T1, sinh ngày 13/6/1997 – đã thành niên và Trần Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 22/8/2000. Ly hôn, bà N đồng ý giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà N, bà N cũng đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con tên là Trần Huỳnh Phương T1, sinh ngày 13/6/1997 – đã thành niên và Trần Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 22/8/2000. Ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Bà N cũng đồng ý với ý kiến của ông H.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Trung H có đơn yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Hồng N, do bà N cư trú tại đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về yêu cầu ly hôn của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Ông H và bà N chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà N. Phía bà N cũng đồng ý ly hôn với ông H. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định nêu trên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Trung H và bà Huỳnh Thị Hồng N.

[3]Về con chung: Có 02 con tên là Trần Huỳnh Phương T1, sinh ngày 13/6/1997 – đã thành niên và Trần Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 22/8/2000. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, phía bà N cũng đồng ý với ý kiến của ông H và nguyện vọng của cháu H1 cũng muốn được sống với ông H khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông H giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N do ông H không yêu cầu.

[4]Về tài sản chung: Không có.

[5]Về nợ chung: Không có.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông H phải nộp án phí 300.000 đồng, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006848 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Trung H và bà Huỳnh Thị Hồng N.

2. Về con chung: Có 02 con tên là Trần Huỳnh Phương T1, sinh ngày 13/6/1997 – đã thành niên và Trần Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 22/8/2000. Bà N có trách nhiệm giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N do ông H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Trung H nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006848 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương